UBND TỈNH THÁI BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN TRƯỜNG THPT CHUYÊN THÁI BÌNH

Số TT	Ph. thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp chuyên / môn chuyên	Điểm UT	Điểm VĂN	Điểm TOÁN	Điểm ANH	Điểm môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển lớp chuyên	Kết quả	Ghi chú
1	P37	301060	Chu Ngọc Huyền	10/01/2009	THCS Thị trấn Vũ Thư	Địa lý (Địa lý)		8,5	9	8,4	8,5	**42,9**	**ĐC**	
2	P38	301069	Vũ Thị Mai	10/06/2009	TH&THCS Tân Bình	Địa lý (Địa lý)		8,75	9	8,8	7,75	**42,05**	**ĐC**	
3	P38	301078	Trần Thị Quỳnh Nga	30/05/2009	THCS Nguyễn Đức Cảnh	Địa lý (Địa lý)		7,25	9	9,6	8	**41,85**	**ĐC**	
4	P37	301045	Lương Trâm Anh	13/11/2009	THCS Kỳ Bá	Địa lý (Địa lý)		8	8,25	9,2	8	**41,45**	**ĐC**	
5	P37	301051	Phạm Ngọc Minh Châu	08/01/2009	THCS Trần Lãm	Địa lý (Địa lý)		8,25	9	9,2	7,5	**41,45**	**ĐC**	
6	P38	301089	Phạm Thị Thanh Thảo	27/06/2009	THCS Minh Quang	Địa lý (Địa lý)		8,25	9	8,8	7,5	**41,05**	**ĐC**	
7	P38	301071	Bùi Trần Bình Minh	27/02/2009	THCS Kỳ Bá	Địa lý (Địa lý)		8,25	9	8	7,75	**40,75**	**ĐC**	
8	P37	301047	Nguyễn Hoàng Anh	28/09/2009	THCS Thị trấn Vũ Thư	Địa lý (Địa lý)		8	8	9,2	7,75	**40,7**	**ĐC**	
9	P37	301048	Nguyễn Tú Anh	22/09/2009	THCS Trần Phú	Địa lý (Địa lý)		8,25	7,25	9,2	7,75	**40,2**	**ĐC**	
10	P38	301072	Đặng Ánh Minh	22/10/2009	THCS Kỳ Bá	Địa lý (Địa lý)		8,25	8	8,8	7,5	**40,05**	**ĐC**	
11	P39	301091	Đỗ Anh Thư	10/10/2009	THCS Lương Thế Vinh	Địa lý (Địa lý)		7,75	9	9,6	6,5	**39,35**	**ĐC**	
12	P37	301046	Mai Tú Anh	09/02/2009	THCS Lương Thế Vinh	Địa lý (Địa lý)		7,5	9	9,8	6,5	**39,3**	**ĐC**	
13	P37	301049	Trần Thị Minh Anh	01/10/2009	THCS Kỳ Bá	Địa lý (Địa lý)		8,25	8,25	8,2	7,25	**39,2**	**ĐC**	
14	P37	301063	Hà Diệu Linh	11/07/2009	THCS Tiền Phong	Địa lý (Địa lý)		8,25	7,5	9,4	7	**39,15**	**ĐC**	
15	P38	301067	Đào Quỳnh Mai	07/03/2009	THCS Trần Lãm	Địa lý (Địa lý)		8	8,25	8,8	7	**39,05**	**ĐC**	
16	P37	301056	Trần Thanh Hòa	26/09/2009	THCS Trần Phú	Địa lý (Địa lý)		7,5	8,75	8,4	7	**38,65**	**ĐC**	
17	P37	301053	Nguyễn Đức Tiến Dũng	25/02/2009	THCS Trần Phú	Địa lý (Địa lý)		7,75	8,75	9	6,5	**38,5**	**ĐC**	
18	P37	301062	Đặng Nhật Linh	01/11/2009	THCS 14-10	Địa lý (Địa lý)		7,25	6	9,2	8	**38,45**	**ĐC**	
19	P38	301066	Nguyễn Ngọc Gia Linh	21/08/2009	THCS Trần Phú	Địa lý (Địa lý)		7,5	8,25	8	7,25	**38,25**	**ĐC**	
20	P39	301097	Nguyễn Thị Phương Uyên	31/07/2009	THCS Tân Lập	Địa lý (Địa lý)		8	8	6	8	**38**	**ĐC**	
21	P39	301095	Trần Nguyễn Bảo Trang	05/08/2009	THCS Kỳ Bá	Địa lý (Địa lý)		8,5	8,25	9,6	5,75	**37,85**	**ĐC**	
22	P38	301086	Nguyễn Ngọc Bảo Quỳnh	10/06/2009	THCS Kỳ Bá	Địa lý (Địa lý)		7,5	8,25	8,4	6,75	**37,65**	**ĐC**	
23	P37	301052	Nguyễn Quỳnh Chi	29/06/2009	THCS Tiền Phong	Địa lý (Địa lý)		7,75	8,75	7,4	6,75	**37,4**	**ĐC**	
24	P38	301068	Trần Thị Tuyết Mai	30/09/2009	THCS Tiền Phong	Địa lý (Địa lý)		8	8	8,8	6,25	**37,3**	**ĐC**	
25	P38	301084	Phạm Mai Phương	04/04/2009	THCS Minh Thành	Địa lý (Địa lý)		8	7,75	7,8	6,75	**37,05**	**ĐC**	
26	P37	301058	Trần Thị Vân Hương	15/05/2009	THCS Trần Phú	Địa lý (Địa lý)		8	8	7	7	**37**	**ĐC**	
27	P37	301065	Nguyễn Lương Diệu Linh	18/01/2009	THCS Trần Phú	Địa lý (Địa lý)		8,5	6,25	8,2	7	**36,95**	**ĐC**	

Số TT	Ph. thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp chuyên / môn chuyên	Điểm UT	Điểm VĂN	Điểm TOÁN	Điểm ANH	Điểm môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển lớp chuyên	Kết quả	Ghi chú
28	P39	301100	Lê Hoàng Vy	19/03/2009	THCS Lương Thế Vinh	Địa lý (Địa lý)		7,75	6,75	6,8	7,75	**36,8**	**ĐC**	
29	P38	301080	Nguyễn Như Ngọc	01/03/2009	THCS Phú Xuân	Địa lý (Địa lý)		7,5	8	7,4	6,75	**36,4**	**ĐC**	
30	P38	301079	Trần Phương Ngân	30/10/2009	THCS Phạm Huy Quang	Địa lý (Địa lý)		7	8,75	7	6,75	**36,25**	**ĐC**	
31	P37	301043	Đinh Hoàng Tâm Anh	26/11/2009	THCS Tây Sơn	Địa lý (Địa lý)		7,75	7,5	8	6,5	**36,25**	**ĐC**	
32	P38	301083	Nguyễn Hà Phương	21/06/2009	THCS Lương Thế Vinh	Địa lý (Địa lý)		8	6,25	8,8	6,5	**36,05**	**ĐC**	
33	P38	301075	Phạm Phương My	01/10/2009	THCS Minh Quang	Địa lý (Địa lý)		7,5	8	8,8	5,75	**35,8**	**ĐC**	
34	P37	301064	Nguyễn Hà Linh	03/05/2009	THCS Tiền Phong	Địa lý (Địa lý)		8	7,5	7,2	6,25	**35,2**	**ĐC**	
35	P39	301099	Trần Hồng Vân	28/12/2009	THCS Lương Thế Vinh	Địa lý (Địa lý)		7	7	9,2	6	**35,2**	**ĐC**	
36	P39	301096	Nguyễn Thanh Tuyền	04/03/2009	THCS Kỳ Bá	Địa lý (Địa lý)		7,25	9	8,8	5	**35,05**		
37	P37	301050	Trần Minh Ánh	27/07/2009	THCS Trần Phú	Địa lý (Địa lý)		7,75	8	8,6	5,25	**34,85**		
38	P39	301101	Bùi Thị Hải Yến	02/03/2009	THCS Minh Quang	Địa lý (Địa lý)	2	7,5	8	6,8	6,25	**34,8**		
39	P38	301085	Vũ Thị Lan Phương	19/04/2009	TH&THCS Vũ Đoài	Địa lý (Địa lý)		7,75	6	6	7,5	**34,75**		
40	P39	301093	Nguyễn Ngọc Anh Thư	27/10/2009	THCS Phú Xuân	Địa lý (Địa lý)		7,25	9	6,8	5,75	**34,55**		
41	P37	301042	Nguyễn Việt An	01/01/2009	THCS Nguyễn Đức Cảnh	Địa lý (Địa lý)		7	7,25	8,2	6	**34,45**		
42	P38	301070	Nguyễn Đức Tiến Mạnh	25/02/2009	THCS Trần Phú	Địa lý (Địa lý)		7,25	8,25	7,8	5,5	**34,3**		
43	P37	301059	Nguyễn Thanh Hường	13/11/2009	THCS Thị trấn Vũ Thư	Địa lý (Địa lý)		8	7,75	6,8	5,75	**34,05**		
44	P38	301077	Nguyễn Trung Nam	01/04/2009	THCS 14-10	Địa lý (Địa lý)		7,25	8,5	7,8	5,25	**34,05**		
45	P39	301092	Nguyễn Minh Thư	06/04/2009	TH&THCS An Vũ	Địa lý (Địa lý)		7	8,25	9	4,75	**33,75**		
46	P37	301061	Bùi Hoàng Linh	14/04/2009	THCS Hoàng Diệu	Địa lý (Địa lý)		7,75	6	6,2	6,75	**33,45**		
47	P37	301055	Nguyễn Ngọc Dương	05/07/2009	THCS Lê Quý Đôn	Địa lý (Địa lý)		7	5,75	6,4	7	**33,15**		
48	P38	301081	Bùi Thảo Nguyên	21/08/2009	THCS Tây Sơn	Địa lý (Địa lý)		8	6,25	7,4	5,75	**33,15**		
49	P38	301073	Nguyễn Lê Bảo Minh	17/12/2009	THCS Trần Phú	Địa lý (Địa lý)		6,5	9	8,2	4,25	**32,2**		
50	P38	301082	Lê Thị Minh Phương	08/09/2009	THCS Trần Phú	Địa lý (Địa lý)		7,25	6,5	7,4	5,5	**32,15**		
51	P37	301054	Đỗ Thùy Dương	10/08/2009	THCS Trần Phú	Địa lý (Địa lý)		7,25	8	7,8	4,5	**32,05**		
52	P38	301087	Bùi Phương Thảo	27/01/2009	THCS Kỳ Bá	Địa lý (Địa lý)		8,25	8	7,4	4	**31,65**		
53	P39	301090	Vũ Thị Thanh Thảo	18/09/2009	THCS Tây Sơn	Địa lý (Địa lý)		7,75	7,5	7,2	4,5	**31,45**		
54	P39	301098	Đinh Bảo Vân	08/01/2009	THCS Nguyễn Đức Cảnh	Địa lý (Địa lý)		6,25	6,75	8,8	4,75	**31,3**		
55	P37	301044	Lê Quỳnh Anh	05/08/2009	THCS Lương Thế Vinh	Địa lý (Địa lý)		8	6,5	5,6	5,5	**31,1**		
56	P38	301074	Nguyễn Ngọc Minh	07/07/2009	THCS Lương Thế Vinh	Địa lý (Địa lý)		7,75	6,5	6,8	4,5	**30,05**		
57	P37	301057	Phạm Ngọc Hưng	22/08/2009	THCS Thị trấn Vũ Thư	Địa lý (Địa lý)		6,75	6,25	9	4	**30**		
58	P38	301088	Phạm Phương Thảo	08/05/2009	THCS Phúc Khánh	Địa lý (Địa lý)		7,5	7,5	7,6	3,5	**29,6**		

Số TT	Ph. thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp chuyên / môn chuyên	Điểm UT	Điểm VĂN	Điểm TOÁN	Điểm ANH	Điểm môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển lớp chuyên	Kết quả	Ghi chú
59	P38	301076	Phạm Thị Huyền My	08/08/2009	THCS Minh Thành	Địa lý (Địa lý)		7,5	5,75	5,8	5	**29,05**		
60	P39	301094	Nguyễn Phạm Anh Thư	22/01/2009	THCS Trần Phú	Địa lý (Địa lý)		6,75	5	4,2	3,25	**22,45**		

Danh sách này gồm 60 thí sinh.

Thái Bình, ngày 20 tháng 8 năm 2024

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Phan Văn Đức

THANH TRA

Trần Thế Vinh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH THÁI BÌNH

Trần Thị Bích Vân